

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh
tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 928/TTr-KHĐT ngày 29/3/2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh (theo văn bản lấy kiến thành viên UBND tỉnh số 1308/VP.UBND-QHTN&MT ngày 24/4/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Chủ đề và nhiệm vụ

Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh gồm 18 chủ đề, 62 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 35 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể như sau:

a) 18 chủ đề bao gồm:

(1) Xây dựng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu tăng trưởng xanh hướng đến phát triển bền vững. Thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(2) Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai theo các cấp, các ngành nhằm nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai (tích hợp chính sách, huy động nguồn lực...), bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(3) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và mức độ xanh hóa của nền kinh tế, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 1 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(4) Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức, bao gồm: 9 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(5) Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh, bao gồm: 4 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 3 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(6) Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 6 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(7) Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 6 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(8) Hội nhập và hợp tác quốc tế, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(9) Năng lượng: phát triển đồng bộ các nguồn năng lượng, khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng trong nước và chuyển đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng, bao gồm: 4 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(10) Công nghiệp, bao gồm: 5 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 4 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(11) Giao thông vận tải và dịch vụ logistics, bao gồm: 5 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 4 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(12) Xây dựng: Thúc đẩy đô thị hóa theo hướng đô thị thông minh bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái, bao gồm: 4 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(13) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm: 4 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 5 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(14) Quản lý chất thải: Tăng cường công tác quản lý chất thải; Thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân, bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(15) Quản lý chất lượng không khí: Ngăn ngừa và giảm thiểu phát sinh các chất ô nhiễm không khí đối với các ngành, lĩnh vực và tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất lượng không khí, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 2 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(16) Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững: Đẩy mạnh mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh và các chương trình dán nhãn để điều chỉnh hành vi tiêu dùng bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 2 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

(17) Y tế: Xây dựng nền y tế xanh, thông minh, bền vững, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

(18) Du lịch, bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 2 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

b) 62 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 35 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể được chi tiết tại Danh mục nhiệm vụ, hoạt động ban hành kèm theo Quyết định này.

Trong quá trình triển khai Kế hoạch, nếu có nhiệm vụ phát sinh, UBND tỉnh sẽ căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phân công trách nhiệm cụ thể.

2. Tổ chức thực hiện

a) Ban Chỉ đạo về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về tăng trưởng xanh và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh; hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan xác định và phân bổ nguồn tài chính trong nước và điều phối các nguồn tài trợ của nước ngoài, cơ chế chính sách thúc đẩy thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.

c) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, các đơn vị có liên được giao quan chủ trì các nhiệm vụ được giao trong phụ lục I kèm theo quyết định này, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung được giao; các đơn vị được giao phối hợp, tích cực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động được giao trong Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này và kế hoạch triển khai thực hiện do các đơn vị được giao chủ trì xây dựng triển khai kế hoạch này.

3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2023 - 2030 bao gồm:

- Ngân sách nhà nước: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chính sách ưu đãi về thuế.

- Hỗ trợ quốc tế: vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn hỗ trợ và vay ưu đãi cho tăng trưởng xanh.

- Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân: tín dụng xanh, trái phiếu doanh nghiệp xanh; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho tăng trưởng xanh, thu từ trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

- Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác: vốn huy động công - tư cho các dự án xanh, các quỹ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Chế độ báo cáo

- Các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan liên quan định kỳ tổ chức rà soát tình hình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được giao tại Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, tổng hợp vào báo cáo thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2030 theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm điều phối việc thực hiện tăng trưởng xanh, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện, tổng hợp thông tin, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, báo cáo Ban chỉ đạo về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh xem xét, quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
 - TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c)
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0, V1-3, các CV NCTH VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 93

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nghiêm Xuân Cường

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2023 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1318 /UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)




STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	Xây dựng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; triển khai xây dựng các văn bản cụ thể hóa định hướng thực hiện tăng trưởng xanh hướng đến phát triển bền vững					
1.1	Thành lập Ban chỉ đạo về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030.	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	Quyết định của UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh
1.2	Ban hành, tổ chức triển khai Quy chế hoạt động và các Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo.	2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ban chỉ đạo	Các sở, ngành, UBND các địa phương có liên quan		Quyết định của UBND tỉnh/Ban chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo
1.3	Xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh; tích hợp tăng trưởng xanh hướng đến mục tiêu quốc gia đạt phát thải ròng bằng "0" (PTR0) vào năm 2050 vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030
2	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai theo các cấp, các ngành nhằm nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai (tích hợp chính sách, huy động nguồn lực...)					
2.1	- Đánh giá, cung cấp cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, ngành, địa phương về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai cấp tỉnh. - Triển khai, cập nhật đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu cấp tỉnh	Hàng năm	Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở NN&PTNT	Các sở, ngành, UBND các địa phương, đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Cơ sở dữ liệu tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia" về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai của các ngành và địa phương, bao gồm các nghiên cứu, đề án, kịch bản, hệ thống các bản đồ rủi ro thiên tai, rủi ro khí hậu (bao gồm CS-MAP). - Các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách đã tích hợp kết quả đánh giá tác động
2.2	Triển khai, cập nhật đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Hàng năm	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành, UBND các địa phương, đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	Triển khai theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ chuyên ngành
3	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và mức độ xanh hóa của nền kinh tế					
3.1	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV), thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, đảm bảo tích hợp đồng bộ với hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia					

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
3.1.1	Thực hiện kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải các chất ô nhiễm không khí tại địa phương.	2022 - 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND 13 huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	(1) Triển khai Dự án Điều tra, xây dựng hệ thống thông tin các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí nhằm đánh giá, dự báo lan truyền các chất ô nhiễm môi trường không khí của tỉnh Quảng Ninh với kết quả chính: Xây dựng hệ thống thông tin các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí; đánh giá, dự báo lan truyền các chất ô nhiễm môi trường không khí tỉnh Quảng Ninh nhằm cung cấp bản tin dự báo chất lượng môi trường không khí hàng ngày tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh; (2) Dự án Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, với các kết quả chính gồm: Tính toán tổng phát thải khí nhà kính cho lĩnh vực AFOLU Quảng Ninh năm 2018, 2020 và dự báo 2030. Đề xuất các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bao gồm các giải pháp kỹ thuật và quản lý trong các lĩnh vực phát thải.
3.2	Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh cấp tỉnh trên cổng thông tin của tỉnh	2022 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh	Các sở, ngành, UBND các địa phương, đơn vị có liên quan, các tổ chức xã hội; tổ chức phi chính phủ.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	- Các cơ sở dữ liệu: (1) tăng trưởng xanh tại địa phương; (2) tăng trưởng xanh các ngành, địa phương trên cơ sở sử dụng dữ liệu nền địa lý quốc gia và tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu cấp quốc gia. Vận hành Cổng thông tin về tăng trưởng xanh quốc gia tại địa phương
4	Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức					
4.1	Xây dựng hệ thống các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng của tỉnh	2022 - 2025	Sở Văn hóa, thể thao	Các sở, ngành, UBND các địa phương, đơn vị có liên quan, các tổ chức xã hội;	Ngân sách nhà nước;	Văn bản về văn hóa sống xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống.
4.2	Truyền thông về các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh trong ngành giáo dục, cộng đồng dân cư và các đơn vị cơ quan, doanh nghiệp.	2023 - 2025	Sở Thông tin và truyền thông	Trung tâm truyền thông tỉnh, các cơ quan báo chí, UBND các địa phương	Ngân sách nhà nước;	Các bản tin, phóng sự, chương trình truyền hình, cuộc thi...
4.3	Xây dựng và triển khai chiến dịch truyền thông cấp tỉnh về tăng trưởng xanh	2022 - 2030	Ban chỉ đạo tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh	Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành có liên quan; các cơ quan truyền thông địa phương; Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh QN và các tổ chức thành viên (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ VN; Hội Nông dân; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN...); cộng đồng doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Chủ trì xây dựng các chiến dịch truyền thông cấp tỉnh; đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai công tác truyền thông của chiến dịch

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
4.4	“Tuần lễ Xanh” theo chủ đề hàng năm và các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức có liên quan.	2024-2030	Sở Thông tin và truyền thông	Trung tâm truyền thông tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan; các cơ quan truyền thông địa phương;	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện
4.5	Chương trình truyền thông về các khía cạnh của tăng trưởng xanh như kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển xanh, lối sống và tiêu dùng xanh (ủng hộ sản phẩm dân nhân xanh /sinh thái/năng lượng/ các-bon...; thay đổi hành vi cụ thể như tăng cường tái chế, sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm thiểu chất thải, rác thải nhựa...); chống chịu với biến đổi khí hậu...	2022-2030	Sở Thông tin và Truyền thông.	Mặt trận tổ quốc VN tỉnh QN và các tổ chức thành viên (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ VN; Hội Nông dân; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN...); cộng đồng doanh nghiệp.		Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện
4.6	Hướng dẫn, đón đóc Trung tâm Truyền thông tỉnh, các cơ quan báo chí hợp tác truyền thông, các cơ quan báo chí có văn phòng đại diện, cử phóng viên thường trú tại tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở của tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về Chiến lược quốc gia, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2023, tầm nhìn 2050 và các kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh.	2023-2030	Sở Thông tin và Truyền thông.	Trung tâm truyền thông tỉnh, các cơ quan báo chí, UBND các địa phương	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các nội dung thông tin được thể hiện bằng nhiều hình thức sinh động, hiện đại, hấp dẫn (tin, bài, phóng sự, video clip, emagazine, Infographic, phát thanh, truyền hình thực tế....) đăng, phát trên tất cả các hạ tầng truyền thông của báo chí Tỉnh, báo chí Trung ương, hệ thống thông tin cơ sở của tỉnh, mạng internet, mạng xã hội... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh, tạo sự đồng thuận trong xã hội
4.7	Tăng cường cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về các mục tiêu, giải pháp và kết quả đạt được về tăng trưởng xanh của Tỉnh để tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.	2023-2030	Sở Thông tin và Truyền thông.	Trung tâm truyền thông tỉnh, các cơ quan báo chí, UBND các địa phương	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các nội dung thông tin được thể hiện bằng nhiều hình thức sinh động, hiện đại, hấp dẫn (tin, bài, phóng sự, video clip, emagazine, Infographic, phát thanh, truyền hình thực tế....) đăng, phát trên tất cả các hạ tầng truyền thông của báo chí Tỉnh, báo chí Trung ương, hệ thống thông tin cơ sở của tỉnh, mạng internet, mạng xã hội... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh, tạo sự đồng thuận trong xã hội
4.8	Tích hợp truyền thông về vai trò, ý nghĩa tăng trưởng xanh; phổ biến những quy định, chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh và trách nhiệm của xã hội; khuyến khích những hành động thiết thực về lối sống, tiêu dùng xanh hài hòa với thiên nhiên gắn với các giá trị văn hóa truyền thống, chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các chương trình mục tiêu quốc gia cùng các kênh truyền thông của các cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương	2022 - 2030	Các Sở, ngành theo thẩm quyền; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh QN và các tổ chức thành viên; các cơ quan nhà nước khác có liên quan.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan truyền thông địa phương.		Kế hoạch truyền thông của các ngành, các lĩnh vực, tích hợp vào chương trình mục tiêu của tỉnh Xây dựng nông thôn mới và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, tiêu dùng xanh, lối sống xanh

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
4.9	Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội để tuyên truyền, giáo dục về kỹ năng mềm, hình thành phong cách, ý thức sống xanh, văn minh, công hiến và sáng tạo	2022 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông; các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt; - Tích cực lựa chọn nội dung phù hợp để lồng ghép, tích hợp vào các hoạt động giáo dục ở các cấp học, nhất là các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm về tăng trưởng xanh.
5	Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh					
5.1	Tăng cường công tác giáo dục và đào tạo các ngành nghề xanh, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh.	2023 - 2030	Trường ĐH Hạ Long	Sở Lao động thương binh và xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	- Văn bản quy định về tiêu chí xanh cho cơ sở vật chất trường học - Chương trình, hoạt động giáo dục các cấp học có tích hợp các nội dung về tăng trưởng xanh.
5.2	Lồng ghép tăng trưởng xanh vào chương trình, hoạt động giáo dục các cấp học; xây dựng tiêu chí, mở rộng triển khai xây dựng mô hình trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp an toàn, xanh, sạch, thông minh	2023 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo/Sở Lao động thương binh và xã hội	Trường ĐH Hạ Long; Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	- Chương trình, kế hoạch đầu tư phân bổ ngân sách cho xây dựng, nâng cấp các cơ sở vật chất trường học - Chương trình, hoạt động khuyến khích các cơ sở giáo dục tư nhân đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí xanh.
5.3	Đầu tư cơ sở vật chất trường học: Đối với giáo dục sau phổ thông/Đối với giáo dục dạy nghề.	2023 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo/Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	- Chương trình, kế hoạch đầu tư phân bổ ngân sách cho xây dựng, nâng cấp các cơ sở vật chất trường học - Chương trình, hoạt động khuyến khích các cơ sở giáo dục tư nhân đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí xanh.
5.4	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số:					
5.4.1	Đối với đội ngũ cán bộ quản trị công (tập trung vào cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác hoạch định chính sách).	2022 - 2030	Sở Nội vụ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.
5.4.2	Đối với doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng.	2022 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp và các sở, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách.	Cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	

STT	 Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5.4.3	Đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.	2022 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các trường đại học/cao đẳng không do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý trên địa bàn tỉnh.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.
6	Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh					
6.1	Thực hiện chính sách quản lý và ưu tiên sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh					
6.1.1	- Chính sách và chất lượng thể chế quản lý đầu tư công. Kế hoạch đầu tư công trung hạn.	2022 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Các kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách nhà nước các cấp theo hướng ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh.
6.1.2	- Kế hoạch chi thường xuyên hàng năm.		Sở Tài chính			
6.1.3	- Kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách của địa phương.		Các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố			
6.2	Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính xanh, tài chính khí hậu, tài chính bền vững.					
6.2.1	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn: (i) Ưu tiên bố trí nguồn vốn hợp lý cho các dự án thuộc Danh mục phân loại xanh trên cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và năng lực tài chính của khách hàng; trong đó, chú trọng các ngành/lĩnh vực như: năng lượng tái tạo, giao thông vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng, nông nghiệp, xử lý chất thải, các ngành sản xuất, tiêu dùng ít các bon...; (ii) Triển khai các sản phẩm tín dụng xanh trong hoạt động cấp tín dụng.	2022 - 2030	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh	Nguồn lực của các tổ chức tín dụng, chi nhánh tổ chức tín dụng	Văn bản chỉ đạo
6.2.2	Triển khai hiệu quả quy định quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn nước ngoài cho tăng trưởng xanh; ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế cho các dự án xanh	Hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước VN chi nhánh Quảng Ninh, các Sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân	Triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả theo chỉ đạo
6.2.3	Triển khai chỉ đạo của Bộ Tài chính về chính sách ưu đãi về tài chính cho các hoạt động đầu tư xanh, tín dụng xanh, tài chính khí hậu nhằm khuyến khích đầu tư vào các dự án xanh, thúc đẩy tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh	2022 - 2025	Sở Tài chính	Sở KHĐT, Ngân hàng Nhà nước VN chi nhánh Quảng Ninh, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Triển khai thực hiện/xây dựng kế hoạch đảm bảo hiệu quả theo chỉ đạo của Bộ chuyên ngành

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
7	Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo					
7.1	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên đầu tư cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
7.1.1	Hướng dẫn, tổng hợp các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến công tác phát triển và ứng dụng các công nghệ xử lý, tái chế chất thải theo hướng chuyển hóa chất thải thành tài nguyên, nguyên liệu sản xuất và thu hồi năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.	2022 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan khác	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
7.1.2	Xây dựng và triển khai chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp tỉnh về tăng trưởng xanh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng xanh, bền vững	2022 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan khác	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp tỉnh về tăng trưởng xanh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng xanh, bền vững.
7.2	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên chuyển đổi số.					
7.2.1	Triển khai các chương trình chuyển đổi số nhằm mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng xanh, phát triển bền vững	2022 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các dự án, kế hoạch, các hoạt động triển khai các Chương trình.
7.2.2	- Chương trình chuyển đổi số quốc gia tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung xây dựng hạ tầng cho chuyển đổi số phục vụ tăng trưởng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào các chương trình, kế hoạch đầu tư hạ tầng đồng bộ trong chuyển đổi số.					Kế hoạch, hoạt động đầu tư hạ tầng đồng bộ cho chuyển đổi số phục vụ tăng trưởng xanh.
7.2.3	Chương trình Hỗ trợ Doanh nghiệp Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.	2023-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2026 lồng ghép nội dung hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số
7.2.4	Ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động tăng trưởng xanh.	2022 - 2030	Các sở, ngành theo thẩm quyền; UBND các huyện, thị xã thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.		Chương trình, đề án, hoạt động về ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành các hoạt động tăng trưởng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
8	Hội nhập và hợp tác quốc tế					
8.1	Chủ động phối hợp với các tổ chức, đối tác nước ngoài trong công tác đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế: Tích cực tham gia, tổ chức hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyên giao công nghệ thực hiện tăng trưởng xanh; nghiên cứu, đề xuất với các đối tác phát triển về các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho tăng trưởng xanh; hỗ trợ kết nối các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài; giải quyết khó khăn thách thức đối với việc thực hiện tăng trưởng xanh	2022 - 2030	Các sở, ngành theo thẩm quyền; UBND các huyện, thị xã thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Ngoại vụ	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các Thỏa thuận Hợp tác, hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, hợp tác với quốc tế theo ngành, lĩnh vực và các cấp theo thẩm quyền.
8.2	Hỗ trợ kết nối các tổ chức, Nhà đầu tư nước ngoài với các DN trong KCN, KKT trên địa bàn tỉnh về Dự án hỗ trợ tăng trưởng xanh và hiện thực hóa xã hội không carbon		Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã có KCN, KKT, Chủ đầu tư hạ tầng các KCN, các doanh nghiệp trong KCN, KKT trên địa bàn tỉnh.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	Ban hành các Văn bản hướng dẫn; Tổ chức các buổi hội thảo, làm việc giới thiệu về Dự án hỗ trợ tăng trưởng xanh và hiện thực hóa xã hội không carbon
9	Năng lượng: phát triển đồng bộ các nguồn năng lượng, khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng trong nước và chuyển đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng					
9.1	Khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi mô hình khai thác, theo hướng xanh hóa; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.	Hàng năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công Thương, Sở xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở Tài chính, sở kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế, các sở ngành có liên quan khác, UBND địa phương.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân;	- Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn. - Đề án tổng thể bảo đảm nguồn vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
9.2	Tham mưu triển khai có hiệu quả: Quy hoạch tổng thể về năng lượng phù hợp với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính; Quy hoạch điện lực quốc gia phù hợp với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính tiến tới loại bỏ nhiệt điện than trước năm 2040.	Hàng năm	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương các huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước;	Tham mưu, ban hành, lồng ghép phù hợp với định hướng quy hoạch
9.3	Phối hợp với Bộ Công thương trong việc cho phép các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hạ tầng truyền tải; cập nhật, bổ sung và điều chỉnh "Đề án tổng thể phát triển Lưới điện thông minh" theo tình hình mới.	Hàng năm	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương các huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân;	Tổ chức triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Công thương

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
9.4	- Thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, nâng lượng tái tạo và năng lượng mới nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh.	Hàng năm	Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư	Sở Công thương, các Sở, ban, ngành, địa phương các huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân;	Lồng ghép vào kế hoạch định hướng thu hút đầu tư, triển khai thực hiện hiệu quả
10	Công nghiệp					
10.1	Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng.					
10.1.1	Tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;	2022 - 2025	Sở Công thương	Công ty điện lực Quảng Ninh; Các sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo
10.1.2	Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020-2030;	2022 - 2030	Sở Công thương			Phối hợp với Công ty Điện lực Quảng Ninh xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện cho đơn vị mình, đảm bảo hàng năm tối thiểu tiết kiệm 5,0% tổng điện năng tiêu thụ trong năm.
10.1.3	Triển khai các giải pháp thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII);	2022 - 2030	Sở Công thương	Công ty điện lực Quảng Ninh; Các sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao.		Xây dựng và thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả như: sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải; thực hiện kế hoạch sản xuất hợp lý; hạn chế tối đa việc huy động các thiết bị, máy móc có công suất tiêu thụ điện lớn vào giờ cao điểm; hạn chế tối đa các thiết bị điện hoạt động không tải; triển khai áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh Thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ, xây dựng và thực hiện các mục tiêu, giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm.
10.1.4	Điều chỉnh phụ tải nhằm giảm bớt công suất phụ tải định của hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh	2022 - 2025	Sở Công thương/Công ty điện lực Quảng Ninh	Các sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao.		Phối hợp với Công ty Điện lực Quảng Ninh trong việc xây dựng chương trình điều chỉnh, cắt giảm phụ tải, đồng thời đề nghị các tổ chức, cá nhân tham gia vào chương trình nhằm đảm bảo cho hệ thống điện được vận hành an toàn, ổn định, tiết kiệm và hiệu quả
10.2	Triển khai kế hoạch áp dụng giải pháp BAT, BEP trong các tiểu ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng và có tỷ trọng phát thải cao; lộ trình triển khai áp dụng các công nghệ tiên tiến, tự động hóa cao, ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất	2023 - 2030	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.		Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
10.3	Cập nhật "Danh mục các công nghệ xanh, phát thải cac-bon thấp trong các ngành công nghiệp để tạo thuận lợi cho huy động đầu tư"; "Các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong hoạt động Logistic theo hướng xanh". "Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nhiên liệu theo hướng xanh (nhiên liệu sinh học, nhiên liệu khí hóa lỏng...)" do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành.	2023 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Sở NN&PTNT; Sở TN&MT; Sở Giao thông, vận tải; Sở Tài chính	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	Danh mục các công nghệ xanh, phát thải cac-bon thấp; các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong hoạt động Logistic theo hướng xanh; Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nhiên liệu theo hướng xanh
10.4	Khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải	2022 - 2030	Sở Công thương	Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Các quy định, hướng dẫn, hỗ trợ cho doanh nghiệp và địa phương
10.5	Khuyến khích xây dựng, hình thành các cụm công nghiệp sinh thái; chính sách khuyến khích, ưu đãi, phát triển cụm công nghiệp sinh thái, làng nghề bền vững; các mô hình, sáng kiến cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp trong và giữa các cụm công nghiệp	2022 - 2027	Sở Công thương/Ban Quản lý các khu kinh tế	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	-Thực hiện Đề án về phát triển cụm công nghiệp, cụm làng nghề theo hướng dẫn của Bộ Công thương; - Các dự án đầu tư phát triển cụm công nghiệp, làng nghề bền vững.
11	Giao thông vận tải và dịch vụ logistics:					
11.1	Thúc đẩy chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch					
11.1.1	Xây dựng, thực hiện các mô hình thí điểm, huy động nguồn lực xã hội để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng và phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch	2023-2030	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành khác có liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các mô hình thí điểm chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng và phương tiện giao thông vận tải sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang loại hình phương tiện sử dụng năng lượng sạch
11.1.2	Thúc đẩy doanh nghiệp và người dân chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch	2023-2030	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành khác có liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Tuyên truyền, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân: (1) chuyển đổi phương tiện giao thông cá nhân sang phương tiện giao thông công cộng, (2) chuyển đổi sang phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện và năng lượng sạch.
11.2	Triển khai đồng bộ các dự án ứng dụng năng lượng sạch vào hệ thống điều tiết, đảm bảo giao thông (hệ thống giám sát giao thông, báo hiệu, đo mực nước tự động sử dụng đèn năng lượng mặt trời trên các tuyến đường thủy, thông báo luồng...)	2023-2030	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	Các dự án ứng dụng năng lượng sạch vào hệ thống điều tiết, đảm bảo giao thông.
11.3	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông vận tải theo hướng tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức. Phát triển kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh.					

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
11.3.1	Tích hợp tăng trưởng xanh nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải. Tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới, nhất là đối với hàng hóa quá cảnh	2023-2030	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế	- Các dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải được tích hợp nội dung tăng trưởng xanh. - Các đề án, dự án, chương trình nâng cao khả năng kết nối và phát triển vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới.
11.3.2	Đôn đốc hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác, vận hành cơ sở hạ tầng giao thông vận tải (các hệ thống đường bộ tốc độ cao, cảng và đường thủy nội địa, cảng biển, đường sắt, giao thông công cộng...) theo các quy hoạch đã tích hợp tăng trưởng xanh	2023-2030	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Ban Quản lý dự án của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư dự án hạ tầng giao thông vận tải ngoài ngân sách	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các dự án xây dựng và khai thác hạ tầng giao thông vận tải theo hướng xanh.
11.3.3	Đảm bảo tính đồng bộ của hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải với mục tiêu phát triển ngành dịch vụ logistics.	2023-2030	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các bộ ngành khác có liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các dự án hoàn thiện kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, tương hỗ từ các ngành.
11.4	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động giao thông vận tải					
11.4.1	Đẩy mạnh phát triển kinh tế số trong giao thông vận tải và dịch vụ logistics hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh:	2023-2030	Sở Giao thông vận tải		Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Dự án hệ thống thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng (ETC) tại tất cả các trạm thu phí BOT trên địa bàn tỉnh (do UBND tỉnh là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), đảm bảo toàn bộ phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ.
	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành khác có liên quan; Các nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án BOT			Dự án hệ thống thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng (ETC) tại tất cả các trạm thu phí BOT trên địa bàn tỉnh (do UBND tỉnh là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).		
	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện.			Dự án lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh (ITS); các trung tâm tích hợp quản lý, điều hành giao thông của đô thị thông minh.		
	- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành, khai thác tại các bến xe, hệ thống kho bãi, cảng biển, ICD...			Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Các đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành, khai thác tại các bến xe, hệ thống kho bãi, cảng biển, ICD...

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
11.4.2	Đẩy mạnh xã hội số trong giao thông vận tải. Tăng cường đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giao thông vận tải đối với đội ngũ chuyên gia và kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngành giao thông vận tải.	2023-2030	Sở Giao thông vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách nhà nước; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.
12	Xây dựng: Thúc đẩy đô thị hóa theo hướng đô thị thông minh bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái					
12.1	Phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững, phát thải thấp, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai dựa trên nền tảng công nghệ số.	2023-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước	Lồng ghép vào quy hoạch đô thị
12.2	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị, xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững, đô thị phát thải các-bon thấp, chống chịu với biến đổi khí hậu.	2023	UBND các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ngành có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh; Chương trình, Dự án phát triển đô thị tăng trưởng xanh + Về công tác quy hoạch theo Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ: TP hạ Long là đô thị thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh: triển Quy hoạch chung thành phố Hạ Long theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ (lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch). + Về chương trình phát triển đô thị tỉnh: Các địa phương căn cứ Quy hoạch tỉnh, Chương trình phát triển đô thị tỉnh, hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị từng địa phương trong năm 2023.
12.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".	2023-2030	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền Thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh phối hợp với Sở Xây dựng triển khai triển khai công tác chuẩn bị đầu tư nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống quản lý thông minh trong ngành xây dựng Quảng Ninh (nội dung và quy mô đầu tư: Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin; xây dựng hệ thống thông tin ngành xây dựng; tạo lập cơ sở dữ liệu ngành xây dựng tỉnh Quảng Ninh)
12.4	Thúc đẩy phát triển công trình xanh, công trình sử dụng năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai, dịch bệnh; Công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTRO. Phát triển công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong sản xuất nhằm tiết kiệm tài nguyên, năng lượng.	2023 - 2023	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Tham mưu UBND tỉnh, ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực quản lý ngành xây dựng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
13	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
13.1	Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp thông qua việc điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên...; đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.					
13.1.1	Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương toàn tỉnh	Ngân sách nhà nước	Đề án
13.1.2	Đề án phát triển bền vững kinh tế thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Trong đó thực hiện các Chương trình, đề án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực thủy sản.	2022-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các địa phương	Ngân sách nhà nước	Đề án; Dự án thành lập Khu bảo tồn biển Cỏ Tô, Đào trấn; Dự án nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch có trách nhiệm; Dự án thành lập 16 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản
13.1.3	Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	2022-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương toàn tỉnh	Ngân sách nhà nước	Đề án; Số hóa CSDL 3 loại rừng và quản lý tài nguyên rừng, diễn biến rừng tích hợp vào bản đồ đất đai của tỉnh; Điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, nâng cao hiệu quả quản lý thông qua thiết lập hệ thống giám sát tài nguyên rừng (Dự án Kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ninh); Các dự án, hoạt động triển khai: (1) Phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên nghèo; (2) Tăng cường quản lý rừng, hợp tác và thúc đẩy phát triển sinh kế từ rừng; (3) Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; (4) Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng gắn với chuỗi giá trị lâm sản theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững
13.1.4	Đề án thực hiện chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030	2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương toàn tỉnh	Ngân sách nhà nước	Đề án; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2022-2025; Xây dựng mô hình xử lý chất thải chăn nuôi sản xuất phân hữu cơ phục vụ cây trồng địa phương tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi
13.1.5	Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025	2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương toàn tỉnh; Các DN và HTX	Ngân sách nhà nước	Kế hoạch
13.2	Triển khai các chính sách cho phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, có năng lực chống chịu và thích ứng biến đổi khí hậu	2023-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương toàn tỉnh; Các DN và HTX	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	- Thực hiện các chương trình về tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông nghiệp. - Xác định lượng hấp thụ CO2 của rừng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các chính sách về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
13.3	Đẩy mạnh thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo hướng bền vững xây dựng cảnh quan sáng xanh, sạch, đẹp và an toàn; thực hiện bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh, xây dựng nếp sống xanh ở nông thôn	2022 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương toàn tỉnh; Các DN và HTX	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Tham mưu UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn
13.4	Thí điểm, nhân rộng các mô hình nông thôn mới hướng tới tăng trưởng xanh: - Mô hình nông thôn thông minh, các mô hình nhà ở, làng sinh thái, làng thông minh phù hợp với điều kiện khí hậu, phong tục tập quán, lối sống, văn hóa của từng dân tộc, địa phương. - Mô hình thu gom, xử lý rác thải, nước thải ở nông thôn, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường phân loại và tái chế rác thải thành năng lượng phân bón, vật liệu xây dựng.	2022 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương toàn tỉnh; Các DN và HTX		Tham mưu UBND tỉnh đề xuất mô hình thí điểm
14	Quản lý chất thải: Tăng cường công tác quản lý chất thải; Thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân					
14.1	Ban hành các quy định và triển khai các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải tại địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.	2022 - 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND 13 huyện thị xã thành phố; Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam; Tổng công ty Đông Bắc và các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu xây dựng Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; - Tham mưu xây dựng Quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; - Thực hiện dự án Điều tra, đánh giá khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước thải mở sau xử lý, xây dựng kế hoạch, giải pháp nâng cao chất lượng, tỷ lệ tái sử dụng nước thải mở với kết quả bộ cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tái sử dụng chất thải;

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
14.2	Tăng cường quản lý và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng cường các giải pháp ngăn ngừa và phân lợi chất rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn	2023-2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND 13 huyện thị xã thành phố; Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam; Tổng công ty Đông Bắc và các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	- Thực hiện dự án: Điều tra, đánh giá tiềm năng sử dụng đất đá thải (ngành than), tro xỉ thải (ngành nhiệt điện) và một số loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (trong các khu, cụm, cơ sở sản xuất công nghiệp) và đề xuất giải pháp tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp góp phần sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn tại Quảng Ninh với kết quả bộ cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tái sử dụng chất thải; - Thực hiện dự án Xây dựng kế hoạch tuần hoàn chất thải rắn hữu cơ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng 2030 với kết quả xây dựng Kế hoạch tuần hoàn chất thải rắn hữu cơ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được UBND tỉnh phê duyệt
14.3	Kiểm soát chặt chẽ về công nghệ của các dự án đầu tư theo quy định, đảm bảo không để các dự án sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu được đầu tư trên địa bàn tỉnh gây ảnh hưởng đến môi trường. Khuyến khích đầu tư công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan	Ngân sách nhà nước	
15	Quản lý chất lượng không khí: Ngăn ngừa và giảm thiểu phát sinh các chất ô nhiễm không khí đối với các ngành, lĩnh vực và tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất lượng không khí					
15.1	Triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng không khí; cơ chế phối hợp, biện pháp quản lý chất lượng môi trường không khí liên vùng, liên tỉnh					
15.1.1	Xây dựng, triển khai Kế hoạch cấp tỉnh	2022-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025.
15.1.2	Xây dựng mạng điểm quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ninh phù hợp Quy hoạch quốc gia về quan trắc môi trường, Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn tại tỉnh	2022-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp.		- Đầu tư nâng cấp, lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và ưu tiên thực hiện đối với các nguồn khí thải lớn của các ngành công nghiệp, năng lượng; hoàn thiện hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục từ các cơ sở sản xuất về cơ quan có thẩm quyền tại địa phương; - Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát thực hiện và công bố công khai thông tin phát thải chất ô nhiễm đối với các nguồn thải lớn của các ngành công nghiệp, năng lượng.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
15.2	Thực hiện chương trình hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng cải tiến và đổi mới công nghệ hướng tới đạt đồng lợi ích về giảm thiểu phát thải các chất ô nhiễm không khí và khí nhà kính	2022 - 2030	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện
16	Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững: Đẩy mạnh mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh và các chương trình dán nhãn để điều chỉnh hành vi tiêu dùng					
16.1	Thúc đẩy các chương trình dán nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh; nghiên cứu, triển khai nhãn các-bon, dấu vết các-bon đối với các hàng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng xanh của thị trường trong nước và quốc tế.	2023-2030	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Triển khai thí điểm dán nhãn xanh/sinh thái/nhãn Bông sen xanh/nhãn năng lượng/nhãn nông nghiệp (sinh thái, xanh, các-bon thấp) cho sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP xanh/nhãn cho các loại vật liệu xây dựng, sản phẩm vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng.
16.2	Triển khai thúc đẩy thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Triển khai nhãn các-bon, dấu vết các-bon đối với các hàng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng xanh của thị trường trong nước và quốc tế, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm gắn với theo dõi dấu chân các-bon	2022 - 2030	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện
16.3	Đẩy mạnh mua sắm công xanh, tích hợp các tiêu chí mua sắm xanh vào quá trình lựa chọn nhà thầu; tập trung đào tạo nghiệp vụ mua sắm công xanh; đổi mới hoạt động dịch vụ công theo hướng xanh.					
16.3.1	Thực hiện chính sách, quy định về mua sắm công xanh; tích hợp các tiêu chí mua sắm xanh vào quá trình lựa chọn nhà thầu. Thúc đẩy tiêu dùng xanh thông qua thương mại điện tử.	2022 - 2030	Các chủ đầu tư	Các Sở, ngành, UBND các địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân	
16.3.2	Triển khai mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh đối với các cơ quan nhà nước.	2023 - 2030	Sở Tài chính	Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân	Triển khai lồng ghép trong quá trình thẩm định và thực hiện
17	Y tế: Xây dựng nền y tế xanh, thông minh, bền vững					
17.1	Triển khai áp dụng nền y tế thông minh (ba nội dung chính: phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh, quản trị y tế thông minh). Tăng cường chuyển đổi số trong ngành y tế, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	2022 - 2030	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
17.2	<p>Triển khai mở rộng hệ thống cơ sở y tế xanh, bền vững, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và sự cố môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác quản lý chất thải y tế, đảm bảo chất thải y tế được xử lý đúng quy định; - Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực cán bộ, nhân viên ngành y tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; - Triển khai các mô hình bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước tác động của biến đổi khí hậu, vệ sinh môi trường, thực hiện các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh do biến đổi khí hậu gây nên 	2022 - 2030	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở TNMT, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện
18	Du lịch					
18.1	Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với kinh tế xanh, kinh tế biển xanh	2022 - 2030	Sở Du lịch		Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế;	Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với kinh tế xanh, kinh tế biển xanh.
18.2	Ưu tiên phát triển các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng biển đảo gắn với phát triển kinh tế biển xanh, du lịch thể thao mạo hiểm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh...), phát triển sản phẩm du lịch xanh.		Sở Du lịch	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác có liên quan.	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.	Tham mưu, ban hành văn bản định hướng, hướng dẫn
18.2.1	Phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh chú trọng tính kết nối của kết cấu hạ tầng	2022 - 2025	Sở Du lịch			Xây dựng đề án/dự án
18.2.2	Khuyến khích nhà đầu tư du lịch chú trọng đầu tư hệ thống thu gom, phân loại và tái chế nhằm tái sử dụng nước thải, rác thải cho các mục đích khác nhau	2022 - 2030	Sở Du lịch			Tham mưu, ban hành văn bản định hướng, hướng dẫn
18.3	Thúc đẩy các hoạt động du lịch sinh thái, cộng đồng trên địa bàn tỉnh	2022-2030	Sở Du lịch	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác	Tài liệu về hoạt động du lịch sinh thái, cộng đồng; thành lập Ban Du lịch sinh thái cộng đồng tại các địa phương